

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng
trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Thực hiện Công văn số 126/HĐND, ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phúc đáp Tờ trình số 115/TTr-UBND, ngày 13/7/2023 của UBND tỉnh;

Thực hiện Công văn số 131/HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đình chính Công văn số 126/HĐND ngày 21/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng cho các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

1. Máy móc, thiết bị có trong danh mục thiết bị dạy học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Máy móc, thiết bị đủ điều kiện là tài sản cố định không có trong danh mục thiết bị dạy học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thực hiện theo Phụ lục Danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo chi tiết kèm theo Quyết định này.

3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng quy định tại Quyết định này dùng làm căn cứ để các cấp quản lý, các cơ sở giáo dục lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, đầu tư, mua sắm, thuê, khoán kinh phí sử dụng thiết bị; quản lý, sử dụng thiết bị.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các dự án đầu tư, mua sắm thiết bị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện.

Điều 4. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2023.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tư pháp (Cục KTrVBQPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lưu:VT,.6.04.05

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

PHỤ LỤC**Danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo***(Kèm theo Quyết định số 25/2023/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long)*

STT	Tên máy móc, trang thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Mục đích, đối tượng sử dụng	Định mức
I	Thiết bị dùng cho cấp học mầm non và giáo dục phổ thông			
1	Bộ thiết bị âm thanh ngoài trời	Bộ	Dùng chung cho hoạt động nhà trường (sinh hoạt ngoài trời)	01 bộ/điểm trường
2	Bộ thiết bị âm thanh phòng họp hội đồng	Bộ	Dùng chung để hội họp, hội thảo, sinh hoạt chuyên môn	01 bộ/điểm trường
3	Máy vi tính	Bộ	Dùng cho Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Kế toán, Văn thư, tổ nhóm chuyên môn	Tối đa 10 bộ/trường
4	Bộ máy vi tính	Bộ	Phòng học cấp mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên sử dụng kèm với màn hình hiển thị giảng dạy	01 bộ/phòng học
5	Phòng máy vi tính <i>(bao gồm 1 máy chủ và các máy trạm)</i>			
5.1	Máy vi tính phòng học tin học	Bộ	Dạy môn tin học (bắt buộc) cho học sinh phổ thông; trẻ mầm non làm quen với tin học	
			Cấp học mầm non	Tối đa 36 bộ/phòng
			Cấp học tiểu học	Tối đa 36 bộ/phòng
			Cấp học trung học cơ sở, trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên	Tối đa 46 bộ/phòng
5.2	Máy vi tính phòng học ngoại ngữ	Bộ	Dạy ngoại ngữ (bắt buộc) cho học sinh phổ thông; trẻ mẫu giáo làm quen tiếng Anh	
			Cấp học mầm non	Tối đa 36 bộ/phòng
			Cấp học tiểu học	Tối đa 36 bộ/phòng
			Cấp học trung học cơ sở, trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên	Tối đa 46 bộ/phòng
5.3	Máy vi tính phòng thư viện	Bộ	Tất cả các cấp học	Tối đa 10 bộ/phòng
6	Bộ màn hình hiển thị hoặc	Bộ	Phòng học, phòng học tin học,	01 bộ/phòng

STT	Tên máy móc, trang thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Mục đích, đối tượng sử dụng	Định mức
	máy chiếu		phòng thư viện các cấp học mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên sử dụng kết hợp với máy vi tính để giảng dạy	
7	Máy in đa năng (có chức năng in qua mạng, in 2 mặt, scan, khổ giấy A3,...)	Chiếc	Dùng chung cho các hoạt động chuyên môn của nhà trường	Tối đa 02 chiếc/trường
8	Bộ thiết bị phòng học thông minh		Dùng cho phòng học, phòng học tin học, phòng học ngoại ngữ,	
	Màn hình tương tác	Chiếc		01 chiếc/phòng
	Máy chiếu vật thể	Chiếc		tối đa 02 chiếc/trường
	Máy vi tính xách tay	Bộ		01 bộ/phòng
	Máy tính bảng	Chiếc		- Tối đa 36 chiếc/phòng (đối với cấp mầm non, tiểu học) - Tối đa 46 chiếc/phòng (đối với cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên)
9	Bộ bàn ghế phòng máy vi tính 6 chỗ ngồi (1,2m x 1,5m)	Bộ	Phòng máy vi tính cấp tiểu học	06 bộ/phòng
10	Bộ phần mềm hỗ trợ giảng dạy, quản lý (và các thiết bị - nếu có)	Bộ	Ứng dụng công nghệ thông tin trong chuyển đổi số, giảng dạy, quản lý: + Phòng học lí thuyết, tin học, ngoại ngữ; + Thư viện; Kiểm định chất lượng giáo dục trường học; quản lí hồ sơ sổ sách, soạn giảng; xếp thời khóa biểu, hội nghị... + Kế toán, quản lí cơ sở vật chất, tài sản,...	01 bộ/phòng
11	Điều hòa nhiệt độ (công suất 2 HP/bộ; không nhất thiết có inverter)	Bộ	Để bảo quản các thiết bị phòng tin học, ngoại ngữ, thư viện, khoa học công nghệ, phòng đa chức năng, phòng hội đồng, hội trường, phòng y tế, phòng giáo viên,... được sử dụng lâu bền	02 bộ/phòng (riêng phòng y tế 01 bộ/phòng; phòng thư viện, hội trường diện tích > 60 m ² cần trang bị nhiều hơn 02

STT	Tên máy móc, trang thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Mục đích, đối tượng sử dụng	Định mức
				bộ/phòng đảm bảo làm mát khi số người đọc/người tham dự nhiều nhất)
12	Máy hút ẩm công nghiệp	Bộ	Dùng để hút ẩm tạo không khí trong lành cho phòng tin học, ngoại ngữ, thư viện, thí nghiệm, khoa học công nghệ,...	01 bộ/phòng
13	Máy photocopy	Chiếc	Dùng chung cho hoạt động nhà trường: photocopy tài liệu phục vụ giảng dạy, đề kiểm tra,...	01 chiếc/điểm trường
14	Máy Scan (02 mặt)	Chiếc	Dùng chung cho hoạt động nhà trường	01 chiếc/điểm trường
15	Máy chấm trắc nghiệm	Chiếc	Dùng chung cho hoạt động nhà trường cấp giáo dục phổ thông	Tối đa 02 chiếc/trường
16	Hệ thống mạng, tủ mạng, các phụ kiện khác: Switch, dây điện, ổ điện...	Bộ	Dùng cho các phòng học, phòng bộ môn	01 bộ/phòng
17	Bộ âm thanh di động (có kết nối USB, bluetooth, đầu đọc đĩa DVD; có từ 01-02 micro không dây kèm theo)	Bộ	Dùng cho các phòng học, phòng bộ môn, hỗ trợ giáo viên khi giảng dạy, hướng dẫn thực hành; hỗ trợ quá trình trình chiếu đối với những video clip có âm thanh...	01 bộ/phòng
18	Bộ thiết bị dạy học STEM	Bộ	Thiết bị điện, điện tử và các bộ lắp ráp (không bao gồm vật tư tiêu hao),... để tổ chức cho học sinh thực hiện hoạt động <i>thực hành STEM (trang bị, lắp đặt ở phòng đa chức năng)</i>	01 bộ/phòng/điểm trường
19	Bộ bàn ghế phòng đọc thư viện (01 bàn + 06 ghế)	Bộ	Trang bị cho phòng đọc của giáo viên, học sinh phổ thông	Tối đa 04 bộ/phòng đọc giáo viên và tối đa 08 bộ/phòng đọc của học sinh
20	Tủ kính trưng bày	Cái	Trưng bày sách, tài liệu tại thư viện; phòng truyền thống,...	Tối đa 03 cái/phòng
21	Thiết bị khác theo quy định của Y tế: - Nồi luộc dụng cụ - Lò hấp khô...	Bộ	Dùng cho phòng y tế	01 bộ/điểm trường
22	Hệ thống camera (bao gồm các mắt camera lắp đặt ở	Hệ thống	Dùng cho các phòng học (nếu cần) và các vị trí khác trong	01 hệ thống/điểm trường

STT	Tên máy móc, trang thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Mục đích, đối tượng sử dụng	Định mức
	các vị trí, đầu ghi, nguồn, dây nguồn, dây tín hiệu; màn hình hiển thị $\geq 65''$ (theo số lượng camera cần hiển thị đảm bảo nhìn rõ ở chế độ hiển thị tất cả camera: 01 ở phòng Hiệu trưởng/Phó Hiệu trưởng, 01 ở phòng bảo vệ...)		trường học để giám sát hoạt động của học sinh và đảm bảo an ninh trường học	
23	Hệ thống phòng họp, bồi dưỡng trực tuyến (camera, máy vi tính, màn hình hiển thị $\geq 70''$, bộ âm thanh, phòng họp có ít nhất 03 micro cố ngỗng hoặc 01 micro cố ngỗng và 02 micro cầm tay,...)	Bộ	Dùng cho phòng giáo viên, phòng họp, hội trường	01 bộ/trường
24	Hệ thống lọc nước (lọc nước sạch uống trực tiếp theo tiêu chuẩn)	Hệ thống	Dùng chung cho nhà trường	01 hệ thống/điểm trường
25	Bộ trang thiết bị dạy học, đồ dùng phục vụ cho trẻ khiếm thính	Bộ	Dùng cho trường chuyên biệt/Trung tâm phát triển giáo dục hòa nhập	02 bộ/lớp
II Thiết bị dùng riêng cho cấp học Mầm non, Tiểu học				
1	Tủ nấu cơm công nghiệp	Cái	Dùng trong bếp ăn bán trú	- Đối với cấp mầm non: 01 cái/300 trẻ (trường hợp dưới 300 trẻ định mức 01 cái). - Đối với cấp tiểu học: 01 cái/250 học sinh (trường hợp dưới 250 học sinh định mức 01 cái)
2	Máy sấy khăn mặt	Cái	Dùng chung	- Đối với cấp mầm non: 01 cái/300 trẻ (trường hợp dưới 300 trẻ định mức 01 cái). - Đối với cấp tiểu học: 01 cái/300 học sinh (trường hợp dưới 300 học sinh định mức 01 cái)

STT	Tên máy móc, trang thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Mục đích, đối tượng sử dụng	Định mức
3	Máy sấy chén đĩa	Cái	Dùng trong nhà bếp	- Đối với cấp mầm non: 01 cái/300 trẻ (trường hợp dưới 300 trẻ định mức 01 cái). - Đối với cấp tiểu học: 01 cái/300 học sinh (trường hợp dưới 300 học sinh định mức 01 cái)
4	Tủ bảo quản thực phẩm	Cái	Dùng trong nhà bếp	01 cái/bếp
5	Máy giặt công nghiệp	Cái	Dùng chung	01 cái/điểm trường
6	Tủ lạnh lớn; Tủ cấp đông	Cái	Dùng chung để bảo quản thức ăn, lưu mẫu thức ăn	02 cái (Mỗi loại 01 cái/bếp)
7	Máy hút mùi	Cái	Dùng trong nhà bếp	tối đa 02 cái/bếp
8	Máy xay thịt công nghiệp	Cái	Dùng trong nhà bếp	01 cái/bếp
9	Máy thái rau, củ, quả	Cái	Dùng trong nhà bếp	01 cái/bếp
10	Hệ thống bếp gas và Tủ bếp gas	Hệ thống	Dùng trong nhà bếp	03 bộ/bếp
11	Hệ thống lọc nước	Hệ thống	Dùng trong nhà bếp	01 bộ/bếp
12	Tủ sấy bát đĩa công nghiệp	Cái	Dùng trong nhà bếp	Tối đa 02 cái/bếp
13	Máy rửa bát đĩa công nghiệp	Cái	Dùng trong nhà bếp	Tối đa 02 cái/bếp
14	Đồ chơi ngoài trời	Bộ	Dùng cho hoạt động ngoài trời	01 bộ (tối thiểu 05 loại đồ chơi)/điểm trường (riêng đối với cấp mầm non thì điểm trường có từ 05 nhóm lớp trở lên)
15	Bộ đồ chơi vận động (đối với cấp mầm non)/Bộ thiết bị vận động (đối với cấp tiểu học)	Bộ	Dùng cho trẻ em/học sinh vận động	01 bộ (tối thiểu 05 loại đồ chơi)/điểm trường (riêng đối với cấp mầm non thì điểm trường có từ 05 nhóm lớp trở lên)
16	Bộ trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi tiếp cận phương pháp hiện đại (Phương	Bộ	Dùng chung cho chuyên môn cấp mầm non	01 bộ/phòng thực hiện phương pháp Montessori, Stem

STT	Tên máy móc, trang thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Mục đích, đối tượng sử dụng	Định mức
	pháp Montessori, Stem)			
17	Bộ đồ chơi kỹ năng sống (Đồ chơi Lego; Bộ sách tô màu; Thẻ học nhanh – Flash card; Đồ chơi bảng bận rộn rèn luyện kỹ năng sống cho bé; Sách vải rèn luyện kỹ năng sống cho trẻ mầm non)	Bộ	Nâng cao chất lượng giáo dục cấp mầm non	01 bộ/phòng thực hiện nâng cao chất lượng giáo dục
III	Thiết bị dùng riêng cho cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên			
1	Các phần mềm (Phần mềm mô phỏng, thí nghiệm ảo, quản lý kết nối, quản lý dạy và học, xếp thời khóa biểu, quản lý thiết bị, quản lý thư viện) (Phục vụ giảng dạy, học tập, quản lý)	Hệ thống	Hỗ trợ dạy, học, quản lý và nghiên cứu khoa học	tối đa 01 hệ thống/trường
2	Máy hút chân không	Cái	Phòng thí nghiệm Hóa, Sinh	tối đa 01 cái/phòng